

Phụ lục số 02:
BẢNG GIÁ XÂY DỰNG MỚI CÔNG TRÌNH ĐA NĂNG, TRỤ SỞ, VĂN PHÒNG LÀM VIỆC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá
I	TRỤ SỞ VĂN PHÒNG, LÀM VIỆC		
1	Số tầng ≤ 5		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	8.930.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	9.910.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	10.820.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.820.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.830.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.870.000
2	5 < Số tầng ≤ 7		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	9.860.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	10.480.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.120.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.890.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.720.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.590.000
3	7 < Số tầng ≤ 15		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	11.560.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.850.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.220.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.720.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.310.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.970.000

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá
II	CÔNG TRÌNH ĐA NẲNG		
1	Số tầng ≤ 5		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	7.690.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	8.890.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	9.970.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.090.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.220.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.330.000
2	5 < số tầng ≤ 7		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	9.900.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	10.520.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.170.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.940.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.770.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.650.000
3	7 < số tầng ≤ 10		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	10.200.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	10.620.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.100.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.700.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.370.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.100.000
4	10 < số tầng ≤ 15		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	10.660.000

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	10.930.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.260.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	11.690.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.200.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.760.000
5	15 < số tầng ≤ 20		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	11.880.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.020.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.230.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.520.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	12.880.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.310.000
6	20 < số tầng ≤ 24		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	13.230.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.310.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.440.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.660.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.940.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	14.280.000
7	24 < số tầng ≤ 30		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	13.890.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	13.930.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	14.020.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	14.180.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	14.400.000

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	14.660.000
8	30 < số tầng ≤ 35		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	15.180.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	15.200.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	15.270.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	15.400.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	15.590.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	15.830.000
9	35 < số tầng ≤ 40	đ/m ² sàn	
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	16.290.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	16.300.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	16.350.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	16.470.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	16.630.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	16.840.000
10	40 < số tầng ≤ 45		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	17.420.000
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m ² sàn	17.420.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m ² sàn	17.470.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m ² sàn	17.570.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m ² sàn	17.730.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m ² sàn	17.930.000
11	45 < số tầng ≤ 50		
<i>a</i>	Không có tầng hầm	đ/m ² sàn	18.530.000

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá
<i>b</i>	Có 1 tầng hầm	đ/m2 sàn	18.530.000
<i>c</i>	Có 2 tầng hầm	đ/m2 sàn	18.570.000
<i>d</i>	Có 3 tầng hầm	đ/m2 sàn	18.670.000
<i>đ</i>	Có 4 tầng hầm	đ/m2 sàn	18.820.000
<i>e</i>	Có 5 tầng hầm	đ/m2 sàn	19.000.000

